**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN VỀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

**Nguyễn Thị Khánh Vân- Khoa kế toán – Đại học Duy Tân**

***Thuế thu nhập cá nhân****là thuế trực thu tính trên thu nhập của người nộp thuế sau khi đã trừ các khoản thu nhập miễn thuế và các khoản được giảm trừ gia cảnh. Thuế thu nhập cá nhân là một trong những nguồn thu quan trọng của ngân sách. Là nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi công dân nhằm góp phần vào sự phát triển của đất nước. Thuế thu nhập cá nhân được xây dựng trên nguyên tắc công bằng và khả năng nộp thuế. Thuế thu nhập cá nhân không đánh vào những cá nhân có thu nhập thấp vừa đủ để nuôi sống bản thân và gia đình ở mức cần thiết.*

**Đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân**

Đối tượng phải nộp thuế thu nhập cá nhân bao gồm:

Cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú tại Việt Nam có thu nhập chịu thuế:

* Đối với cá nhân cư trú: Thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam không phân biệt nơi trả thu nhập.
* Đối với cá nhân không cư trú: Thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

**Cách tính thuế thu nhập cá nhân**

Hiện tại có 3 cách tính thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công dành cho 3 đối tượng khác nhau:

* Tính theo biểu thuế lũy tiến từng phần: Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) có thời hạn từ 3 tháng trở lên
* Khấu trừ 10% dành cho cá nhân ký HĐLĐ có thời hạn dưới 3 tháng hoặc không ký HĐLĐ
* Khấu trừ 20% đối với cá nhân không cư trú thường là người nước ngoài.

#### Công thức tính thuế thu nhập cá nhân chung:

**(1) Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất**

Trong đó:

**(2) Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế – Các khoản giảm trừ**

**(3) Thu nhập chịu thuế = Tổng thu nhập – Các khoản miễn thuế, không chịu thuế**

Thuế thu nhập cá nhân sẽ được tính theo tháng, kê thai có thể theo tháng hoặc theo quý nhưng quyết toán theo năm. **Thuế thu nhập cá nhân** được tính tại thời điểm trả thu nhập.

#### Các bước tính thuế thu nhập cá nhân

Căn cứ vào công thức tính thuế trên, để tính được số thuế phải nộp hãy thực hiện tuần tự theo các bước sau:

Bước 1. Tính tổng thu nhập

Bước 2. Tính các khoản được miễn

Bước 3. Tính thu nhập chịu thuế theo công thức (3)

Bước 4. Tính các khoản được giảm trừ

Bước 5. Tính thu nhập tính thuế theo công thức (2)

Bước 6. Tính số thuế phải nộp theo công thức (1).

Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 03 tháng trở lên sau khi tính được thu nhập tính thuế thì chỉ cần lấy thu nhập tính thuế x thuế suất (phương pháp Biểu lũy tiến từng phần – Tính từng bậc thuế sau đó cộng lại). Chi tiết theo bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bậc thuế** | **Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)** | **Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)** | **Thuế suất (%)** |
| 1 | Đến 60 | Đến 5 | 5 |
| 2 | Trên 60 đến 120 | Trên 5 đến 10 | 10 |
| 3 | Trên 120 đến 216 | Trên 10 đến 18 | 15 |
| 4 | Trên 216 đến 384 | Trên 18 đến 32 | 20 |
| 5 | Trên 384 đến 624 | Trên 32 đến 52 | 25 |
| 6 | Trên 624 đến 960 | Trên 52 đến 80 | 30 |
| 7 | Trên 960 | Trên 80 | 35 |

#### Cách tính thuế rút gọn

Để việc tính toán thuận tiện hơn, có thể áp dụng phương pháp tính rút gọn theo phụ lục số 01/PL-thu nhập cá nhân ban hành kèm theo Thông tư 111/2013/TT-BTC như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bậc** | **Thu nhập tính thuế/ tháng (triệu đồng)** | **Thuế suất (%)** | **Tính số thuế phải nộp** | |
| **Cách 1** | **Cách 2** |
| 1 | Đến 5 | 5 | 0 trđ + 5% TNTT | 5% TNTT |
| 2 | Trên 5 đến 10 | 10 | 0.25 trđ + 10% TNTT trên 5 trđ | 10% TNTT – 0.25 trđ |
| 3 | Trên 10 đến 18 | 15 | 0.75 trđ + 15% TNTT trên 10 trđ | 15% TNTT – 0.75 trđ |
| 4 | Trên 18 đến 32 | 20 | 1.95 trđ + 20% TNTT trên 18 trđ | 20% TNTT – 1.65 trđ |
| 5 | Trên 32 đến 52 | 25 | 4.75 trđ + 25% TNTT trên 32 trđ | 25% TNTT – 3.25 trđ |
| 6 | Trên 52 đến 80 | 30 | 9.75 trđ + 30% TNTT trên 52 trđ | 30 % TNTT – 5.85 trđ |
| 7 | Trên 80 | 35 | 18.15 trđ + 35% TNTT trên 80 trđ | 35% TNTT – 9.85 tr |

### Các trường hợp được miễn thuế thu nhập cá nhân

Theo điều 4, **Luậ**t **thuế thu nhập cá nhân** quy định các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân cụ thể như sau:

* Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS giữa vợ với chồng, cha để, mẹ đẻ với con đẻ,…
* Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất (QSDĐ) ở. Các tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ có 1 nhà ở, đất ở duy nhất
* Thu nhập từ giá trị QSDĐ của cá nhân được nhà nước giao đất
* Thu nhập từ nhận thừa kếhay quà tặng là BĐS giữa vợ chồng, cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ…
* Phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với lương làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của pháp luật
* Thu nhập từ tiền lãi gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ HĐ bảo hiểm nhân thọ

**Các khoản giảm trừ gia cảnh**

Điều 1 Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020 như sau::

* Mức giảm trừ đối với người nộp thuế: 11 triệu đồng/ tháng (132 triệu đồng/năm)
* Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc: 4,4triệu đồng/ tháng

### Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân

* Tiền ăn giữa ca, ăn trưa
* Phụ cấp điện thoại
* Phụ cấp trang phục
* Tiền công tác phí
* Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ.
* Các khoản bảo hiểm bắt buộc: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiềm nghề nghiệp trong một số lĩnh vực đặc biệt

Ngoài ra còn các khoản trợ cấp khác không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Ví dụ như: trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp hưu trí 1 lần…

**Tài liệu tham khảo**

Luật số: 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân.

Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 ngày 2 tháng 6 năm 2020 của UBTVQH về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư 111/2013/TT-BTC Hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP  do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.